TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 384/2024/DS-PT
Ngày: 03/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Như Hà

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Anh Minh.

Bà Trần Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Hoà - Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 4 năm 2024 và ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLPT-DS ngày 23/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 739/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận D bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 682/2024/QĐPT-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 2796/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên toà số 4363/2024/QĐPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tạ Vĩnh A, sinh năm 1994, (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: 29 Lô Q B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Đỗ Ngọc E, sinh năm 1992, (Có mặt).

Địa chỉ: Căn hộ 12A-02 Block AK1, Chung cư G, H, số 77 I, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân L, sinh năm 1981, (Có mặt). Địa chỉ: Căn hộ 12A-02 Block AK1, Chung cư G, H, số 77 I, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Ông Tạ Vĩnh A trình bày:

Ông và Bà Đỗ Ngọc E là chị em bà con, do có quen biết nên Ông A có cho Bà E vay tiền nhiều lần. Để xác định rõ số tiền vay Bà E còn nợ, thời hạn thanh toán và lãi suất đối với số tiền còn nợ, ngày 30/6/2022 Ông A và Bà E có ký hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng K, với nội dung Ông A cho Bà E vay số tiền 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 46 tháng (kể từ ngày 01/07/2022 đến ngày 25/05/2026) với lãi suất 20%/năm và giao kết là Bà E phải trả gốc và lãi cho Ông A hằng tháng ít nhất là 20.000.000 đồng chậm nhất là vào ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng. Bà E có xác nhận đã nhận đủ số tiền 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng) tại khoảng trống cuối trang 2 của hợp đồng vay ngày 30/06/2022.

Sau khi ký hợp đồng, Bà E đã trả cho Ông A nhiều lần với tổng cộng số tiền là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), cụ thể:

- Ngày 01/7/2022, Bà E trả 10.000.000 đồng;
- Ngày 26/7/2022, Bà E trả 5.000.000 đồng;
- Ngày 31/7/2022, Bà E trả 5.000.000 đồng;
- Ngày 17/10/2022, Bà E trả 10.000.000 đồng;
- Ngày 18/10/2022, Bà E trả 10.000.000 đồng;
- Ngày 31/10/2022, Bà E trả 10.000.000 đồng;
- Ngày 30/11/2022, Bà E trả 10.000.000 đồng.

Từ 30/11/2022 đến nay, Bà E không thực hiện trả nợ theo hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2022. Mặc dù ông đã nhiều lần nhắc nhở nhưng Bà E vẫn không có thiện chí trả nợ.

Căn cứ theo Điều 2 của hợp đồng vay tiền đã ký kết giữa hai bên: "Nếu đến hạn mà bên vay (bên B) không trả đủ số tiền đã vay cho bên cho vay (bên A) mà hai bên không có thỏa thuận gì khác thì bên cho A có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu xét xử buộc bên B phải trả cho bên A toàn bộ số tiền vay nêu trên cùng với lãi suất và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo các quy định pháp luật".

Nhận thấy việc Bà E không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng đã ký gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Ông A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bà E trả cho ông số tiền nợ gốc còn lại là 590.000.000 đồng; yêu cầu Bà E trả tiền lãi tính từ ngày 01/12/2022 cho đến ngày 27/9/2023 (làm tròn 09 tháng) trên số nợ 590.000.000 đồng với lãi suất đã thỏa thuận là 1,6%/tháng, số tiền lãi là: 84.960.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn - Bà Đỗ Ngọc E trình bày:

Năm 2018, bà có vay của Ông Tạ Vĩnh A tổng số tiền là 400.000.000 đồng với lãi suất là 10-12%/tháng tương đương 40-42 triệu/tháng. Đến năm 2021, bà có mượn thêm 200.000.000 đồng với lãi suất là 9%/tháng, tương đương 18 triệu/tháng. Tổng nợ là 600.000.000 đồng. Tháng 6 năm 2022, bà vỡ nợ nên có gọi đàm phán xin hoàn lại tiền gốc là 600.000.000 đồng, nhưng Ông A không đồng ý và có hành động tạt sơn làm nhà bà bán giá thấp. Đến khi bà mang thai được 08 tháng thì Ông A ép bà ra văn phòng công chứng ký giấy vay 650.000.000 đồng, bao gồm 50.000.000 đồng tiền lãi tháng 6 năm 2022. Sau khi ký hợp đồng vay và cam kết thanh toán 20.000.000 đồng bao gồm lãi và gốc. Do bà đang thai sản nên có nói trong 06 tháng thai sản sẽ thanh toán không đều 20.000.000 đồng do chưa đi làm, có thể sẽ thanh toán từ 5-20 triệu/tháng, sau thai sản sẽ thanh toán đều lại, Ông A đã đồng ý. Nhưng sau 04 tháng thai sản Ông A đã nhận đủ 60.000.000 đồng nhưng vẫn nói bà không thanh toán và bắt chồng và em gái bà hành hung. Bà E có trình báo cơ quan chức năng, yêu cầu Ông A công khai xin lỗi, bà sẽ tiếp tục thanh toán số nợ còn lại khi Ông A xin lỗi và bồi thường tiền thuốc cho người thân của bà. Nhưng bà không nhận được phản hồi từ Ông A. Bà E có ý kiến không đồng ý thanh toán tiếp số tiền còn nợ, vì số tiền lãi bà trả trong 04 năm bà vay của Ông A đã vượt số tiền vay.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Xuân L trình bày: Ông là chồng của Bà Đỗ Ngọc E. Việc vay tiền giữa Ông A và Bà E từ rất lâu và ông không biết, chỉ đến khi Ông A ép vợ của ông viết giấy vay tiền tại văn phòng công chứng thì sau đó ông mới biết được. Theo ông được biết việc vay tiền của Bà E được thực hiện nhiền lần với số tiền lãi rất cao, Ông A đã nhiều lần uy hiếp vợ của ông là Bà E để ký hợp đồng vay tiền. Việc vay mượn tiền giữa Ông A và Bà E là việc vay mượn riêng của Bà E, không liên quan đến ông.

Bản án dân sự sơ thẩm số 739/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Tạ Vĩnh A.

Buộc Bà Đỗ Ngọc E phải trả cho Ông Tạ Vĩnh A tổng số tiền 674.960.000 đồng (sáu trăm bảy mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 590.000.000 đồng (năm trăm chín mươi triệu đồng), tiền lãi trên nợ gốc là 84.960.000 đồng (tám mươi bốn triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo hợp đồng vay tiền công chứng số 004917 ngày 30/6/2022 tại Văn phòng công chứng K.

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28/9/2023) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 10/10/2023, bị đơn Bà Đỗ Ngọc E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Ông A có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đối với các tờ sao kê do Bà E trình bày và cung cấp chuyển tiền từ tài khoản Bà E qua tài khoản Ngân hàng BIDV của ông. Ông xác định đây là các khoản tiền Bà E trả tiền vay của ông trước đó; lúc trước mượn thì không có gi giấy tờ gì, khi trả thì Bà E chuyển khoản trả cho ông. Sau đó Bà E vỡ nợ nên ngày 30/6/2022 hai bên mới xác nhận toàn bộ số tiền vay và ra công chứng ký hợp đồng. Do vậy ông không đồng ý với yêu cầu của bị đơn cho rằng các khoản tiền chuyển khoản là tiền lãi và trừ hết vào số tiền vay.

Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Thực tế Bà E vay tiền của Ông A từ năm 2018, vay hai khoản tiền: Một lần 200 triệu đồng và một lần 400 triệu đồng. Tổng cộng là 600 triệu đồng. Căn cứ các bản sao kê tài khoản ngân hàng BIDV và Ngân hàng ACB thì bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 2.216.512.750đ;

Mặc dù giữa bên nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng vay tài sản có công chứng số 004917 quyển số 06/2022/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/6/2022 nhưng phía bên cho vay không giao số tiền 650 triệu đồng cho bên vay, hợp đồng vay trên là giao dịch giả cách nhằm che giấu giao dịch vay trước đó diễn ra từ năm 2018, 2021 nên giao dịch này bị vô hiệu.

Đề nghị hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố hợp đồng vay tài sản vô hiệu.

Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu tuyên hủy hợp đồng vay tiền số 004917, quyển số 06/2022/CC-SCC/HĐGD ngày 30/6/2022 do văn phòng công chứng K chứng nhận vì Bà E trả nợ gốc và lãi hàng tháng không theo giao kết trong hợp đồng;

Yêu cầu Bà E trả lại tiền gốc 650 triệu đồng;

Buộc Bà E trả tiền lãi các tháng 7, 8, 9, 10, 11 năm 2022.

Tòa cấp sơ thẩm đã thụ lý các yêu cầu trên theo thông áo thụ lý 435/TB-TLVA ngày 28/12/2022 nhưng bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tuyên hủy hợp đồng vay tiền theo yêu cầu trên là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Do đó trong trường hợp không thể sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, đề nghị hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm.

Việc cho vay tiền của nguyên đơn có dấu hiệu cho vay nặng lãi, có mức lãi suất từ 10- 12%/tháng, vượt quá 5 lần so với quy định; đề nghị hội đồng xét xử, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét chuyển cơ quan cảnh sát điều tra về tội cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự.

Về giải quyết hậu quả do giao dịch dân sự vô hiệu: Các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận từ bị đơn, buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn số tiền 2.216.512.750đ-600.000.000đ=1.616.512.750đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Xuân L: Đề nghị Toà án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông A vì trước đây Bà E chỉ có vay 600 triệu đồng nhưng đã chuyển khoản trả cho Ông A rất nhiều. Đồng ý với ý kiến và yêu cầu của Bà E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về thời hạn kháng cáo của các đương sự là còn trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá đầy đủ, đúng quy định các yêu cầu của đương sự; yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được chấp nhận xem xét lại bản án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ và đúng quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 04/4/2022 các đương sự có mặt; phía bị đơn xuất trình tài liệu chứng cứ mới là các sao kê ngân hàng để chứng minh đã trả tiền cho nguyên đơn.

Tại phiên toà ngày 03/5/2024, Ông A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có đơn trình bày ý kiến. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ông A theo quy định chung.

[3] Về nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của bị đơn:

Căn cứ hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2022 giữa Ông A và Bà E ký tại Văn phòng công chứng K, nội dung Ông A cho Bà E vay số tiền 650.000.000 đồng, thời hạn vay là 46 tháng kể từ ngày 01/7/2022 đến ngày 25/5/2026, lãi suất cho vay là 20%/năm.

Xét Bà E kháng cáo cho rằng việc ký hợp đồng vay tiền trên là không tự nguyện mà bị đe doạ, cưỡng ép nhưng tại phiên toà sơ thẩm cũng như phúc thẩm không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi Ông A ép buộc bà ký hợp đồng. Mặt khác, hợp đồng được ký tại cơ quan công chứng nhà nước, có sự chứng kiến của công chứng viên, Bà E đã đọc rõ nội dung hợp đồng và tự nguyện ký tên nên Bà E yêu cầu tuyên bố giao dịch trên vô hiệu là không có có sở.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tuyên hủy hợp đồng vay tiền vì Bà E thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng không theo giao kết trong hợp đồng nên phải hoàn trả tiền lãi, gốc. Cấp sơ thẩm xác định hợp đồng vay tiền trên có hiệc lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên là đúng quy định. Do Bà E vi phạm việc trả tiền gốc lãi hàng tháng, không thực hiện đúng theo thoả thuận đã cam kết là: "…hàng tháng phải trả cho nguyên đơn nợ gốc và lãi ít nhất là 20.000.000đ cho bên A chậm nhất là ngày 25-30 hàng tháng…", nên hủy bỏ nội dung thỏa thuận trả nợ hàng tháng số tiền đã vay; buộc Bà E phải

trả toàn bộ số tiền vay nêu trên cùng với lãi suất theo quy định pháp luật là phù hợp với Điều 2 của hợp đồng vay. Xét cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết đầy đủ yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Nguyên đơn xác nhận giữa hai bên là quan hệ họ hàng và trước đây khi vay mượn hai bên không có giấy vay, khi trả thì Bà E chuyển khoản lại cho ông. Đến khi Bà E vỡ nợ thì hai bên mới xác định lại toàn bộ số tiền còn thiếu và hai bên ra công chứng ký giấy vay tiền với số tiền là 650 triệu đồng. Việc Bà E xác nhận đã nhận đủ số tiền 650.000.000đ thể hiện cụ thể số tiền Bà E còn nợ Ông A.

Mặt khác, giấy vay tiền ngày 30/6/2022 được hai bên ký nhận sau thời điểm Bà E chuyển khoản các khoản tiền trên. Bà E cho rằng đã trả lãi rất nhiều nhưng vẫn ký hợp đồng vay sau thời điểm trên và mặt sau giấy vay tiền Bà E ký đã nhận đủ số tiền 650 triệu đồng ngày 01/7/2022 là chưa phù hợp với lời trình bày của Bà E.

Đối với các sao kê tại Ngân hàng do bị đơn nộp tại phiên toà phúc thẩm: Xét các khoản tiền chuyển khoản không ghi rõ nội dung chuyển tiền, không thể hiện chuyển khoản của khoản tiền lãi cụ thể nào, lãi cho số tiền vay bao nhiêu. Các tài liệu chứng cứ bị đơn nộp bổ sung ngày 03/5/2024 tại phiên toà phúc thẩm đối với các khoản tiền qua tài khoản năm 2018, 2019 là các bản photo; có nội dung tiền lãi của Vy, tiền lãi của anh Thương cũng không thể hiện việc trả lãi khoản vay nào của Bà E đối với Ông A.

Đồng thời các tài liệu trên không được nộp tại giai đoạn sơ thẩm trong quá trình tiếp cận công khai chứng cứ.

Đối với ý kiến của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng bị đơn đã trả lãi vượt quá nên đề nghị trừ vào số tiền gốc, cụ thể Bà E đã trả 2.216.512.750đ, và hợp đồng vay tiền trên vô hiệu do giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay trước đó, nên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, số tiền trả lãi vượt được trừ vào tiền gốc Bà E đã mượn 600 triệu đồng, Ông A phải trả lại Bà E 1.616.512.750đ. Xét trong quá trình giải quyết vụ án Bà E không có yêu cầu phản tố; yêu cầu này không được xem xét giải quyết ở cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét cấn trừ tiền nợ cũng như xem xét điều chỉnh lãi theo yêu cầu của bị đơn.

Căn cứ xác nhận của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ gồm các bản sao kê của ngân hàng các khoản tiền Bà E chuyển cho Ông A tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn là 60.000.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý trừ toàn bộ số tiền bị đơn đã thanh toán vào số tiền nợ gốc và nợ gốc còn lại là 590.000.000 đồng, đồng thời chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2022 trên số tiền sau khi đã trừ đi tổng số tiền bị đơn đã thanh toán là có lợi cho bị đơn nên cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp.

Bị đơn khai giữa hai bên thoả thuận phương thức thanh toán cụ thể mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ để chứng minh; nguyên đơn không thừa nhận việc trên. Căn cứ vào tài liệu thể hiện bị đơn thanh toán cho nguyên đơn vào ngày 30/11/2022 với số tiền 10.000.000 đồng.

Căn cứ thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2022 và Điều 282, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc 590.000.000 đồng là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu trả lãi của nguyên đơn:

Xét nguyên đơn yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc là 590.000.000 đồng với lãi suất 1,6%/tháng, thời gian tính lãi là tính từ 01/12/2022 đến ngày 27/9/2023 nhưng chỉ làm tròn là 09 tháng với số tiền 84.960.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, và có lợi cho phía bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả với số tiền 84.960.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Xét hợp đồng vay tiền được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân bị đơn trả toàn bộ khoản nợ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhập.

Từ những nhận định trên xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ khách quan, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Toà án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải nộp phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 282, Điều 352, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 739/2023/DS-ST ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Ngọc E phải nộp án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí do Bà E đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng phí số AA/2023/0026561 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận D.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận D;
- Tòa án nhân dân quận D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Như Hà